

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2021/HS-ST

Ngày 26-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Bá Thanh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nông Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông **Nông Văn Chấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án Hình sự thụ lý số 44/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Thị M, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 03 tháng 05 năm 1997 tại huyện N, tỉnh A.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm V 1, xã Q, huyện N, tỉnh A; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12 PT; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Chồng, con: Chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 17/01/2021, Nguyễn Thị M bị Đoàn Biên phòng cửa khẩu T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định với số tiền 3.000.000đ.

Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/11/2021 và đang bị cách ly Y tế để theo dõi sức khỏe phòng chống COVID-19, đã chấp hành xong thời gian cách ly 14 ngày tại Trung tâm cách ly Y tế huyện A, tỉnh C. Có mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982, trú tại: Xóm 2, thôn H, xã Đ, huyện L, thành phố P (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 06 giờ 00 phút, ngày 06/11/2021, tại khu vực mốc biên giới 719, thuộc xóm Kéo Sỹ, xã T, huyện H, tỉnh C. Tổ tuần tra kiểm soát Đồn Biên phòng C phát hiện 02 người phụ nữ có hành vi nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam gồm: Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị H, Tổ công tác tiến hành lập biên bản vụ việc. Qua điều tra xác định được ngày 13/04/2021 M xuất cảnh trái phép sang tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc để làm thuê thời gian gần đây dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và lực lượng chức năng Trung Quốc truy quyết người nhập cư trái phép, nên M bắt xe khách quay về Việt Nam trên xe đi từ thành phố Nam Ninh, Trung Quốc về có Nguyễn Thị H, M và H được đối tượng (không quen biết) tổ chức đưa đón từ bên Trung Quốc đến khu vực biên giới rồi cùng nhau đi bộ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua đường mòn khu vực mốc 719 thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ.

Trước đó ngày 17/01/2021 Nguyễn Thị M nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua khu vực mốc 734, đã bị Đồn Biên phòng cửa khẩu T, Bộ đội Biên phòng tỉnh C, xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), tính đến ngày 06/11/2021 chưa được xóa tiền sự.

Quá trình điều tra M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Ngày 08/11/2021, Nguyễn Thị M bị Đồn Biên phòng C khởi tố về hành vi “Vi phạm quy định về nhập cảnh trái phép” theo Điều 347 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, xác minh xác định được đây là vụ án ít nghiêm trọng, chứng cứ rõ ràng nên ngày 19/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện ra Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn và chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh C để xét xử theo thẩm quyền. Đối với 01 công dân bị bắt cùng M do không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Đồn Biên phòng C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định và được chuyển vào trung tâm cách ly Y tế phòng chống dịch theo quy định.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 01/QĐ-VKSHQ ngày 19/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh C đã truy tố Nguyễn Thị M về tội: “Vi phạm quy định về nhập cảnh trái phép” theo Điều 347 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo M thừa nhận hành vi đã thực hiện đúng như nội dung truy tố của Viện kiểm sát và không có ý kiến khiếu nại về các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Đồn Biên phòng C, Viện kiểm sát nhân dân huyện H. Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 347; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt tiền là hình

phạt chính với mức từ 7.000.000đ - 10.000.000đ; Buộc bị cáo chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo cho rằng, Quyết định mà Viện kiểm sát đã truy tố, phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo và không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị được xem xét giảm nhẹ mức phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Theo Điều 456 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định về thủ tục rút gọn trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm khi đủ các điều kiện: Sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng, tội phạm đã thực hiện là ít nghiêm trọng và người phạm tội có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng. Theo quy định trên thì vụ án Nguyễn Thị M có đầy đủ các điều kiện để áp dụng theo thủ tục rút gọn.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Đoàn Biên phòng C tại điểm a khoản 1 Điều 164 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: *Đối với tội phạm ít nghiêm trọng trong trường hợp phạm tội quả tang, chứng cứ và lý lịch người phạm tội rõ ràng thì quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, tiến hành điều tra và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án hình sự*; . Theo quy định này thì quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cán bộ điều tra, thủ trưởng Đoàn Biên phòng C và Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về lý lịch bị cáo: Trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Đoàn Biên phòng cửa khẩu T ghi Nguyễn Thị M. Đồng thời đối chiếu với giấy tờ tùy thân và xác nhận của Trưởng Công an xã Q, huyện N, tỉnh A cung cấp và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện họ tên Nguyễn Thị M là đúng. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo khai tên Nguyễn Thị M và thừa nhận ngày 17/01/2021 bị Đoàn Biên phòng cửa khẩu T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định với số tiền 3.000.000đ, là phù hợp.

[3]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, biên bản vụ việc và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để kết luận: Ngày 13/4/2021, M xuất cảnh trái phép sang tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc qua địa bàn biên giới tỉnh C đến tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc làm thuê. Do tình hình Cô vít -19 diễn biến phức tạp,

không có việc làm và bị lực lượng chức năng Trung Quốc truy quét nên ngày 06/11/2021 đã tự quay về Việt Nam theo đường mòn qua biên giới qua khu vực mốc 719, thuộc xóm K, xã T, huyện H, tỉnh C thì bị bắt giữ cùng với Nguyễn Thị H. Tất cả 02 người đều không có giấy nhập cảnh theo quy định của pháp luật. Đối với Nguyễn Thị M, ngoài lần nhập cảnh trái phép này thì trước đó vào ngày 17/01/2021, Mai còn nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam qua mốc 734, Đồn biên phòng cửa khẩu T, huyện K thì bị bắt giữ và bị Đồn Biên phòng cửa khẩu T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.000.000đ.

Nguyễn Thị M là công dân Việt Nam, đi sang Trung Quốc và quay về Việt Nam đều không có giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh là vi phạm nguyên tắc xuất, nhập cảnh quy định tại Điều 3 Luật Xuất, nhập cảnh. Trước đó ngày 17/01/2021, M vi phạm. Tại Điều 347 Bộ luật hình sự quy định: *Người nào xuất cảnh, nhập cảnh trái phép hoặc ở lại Việt Nam trái phép, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.* Như vậy hành vi của Nguyễn Thị M ra vào Việt Nam lần này không có giấy tờ xuất, nhập cảnh nên bị coi là tội phạm.

Khi thực hiện hành vi xuất cảnh, nhập cảnh bị cáo M là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự và hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết vi phạm mà vẫn thực hiện là cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy, hành vi của bị cáo có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, Nguyễn Thị M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố về tội “Vi phạm quy định về nhập cảnh trái phép” theo Điều 347 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng không phải là hành vi cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật hình sự. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, M vẫn thuộc trường hợp phạm tội lần đầu. Tội phạm thực hiện là ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mục đích bị cáo xuất cảnh, nhập cảnh trái phép cũng chỉ vì miếng cơm manh áo, do điều kiện cuộc sống gia đình quá khó khăn, tội phạm bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng. Vì vậy không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng phạt tiền là hình phạt chính theo điều luật đã quy định là có căn cứ.

[5]. Về vật chứng: Trong quá trình bắt giữ, bị cáo không bị thu giữ bất kỳ vật chứng hay tài sản gì nên không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo

quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 347; Điều 35; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Vi phạm quy định về nhập cảnh trái phép”.

2. Về hình phạt: Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn) để sung công quỹ Nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu 200.000đ, tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Đoàn Biên phòng C;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Q;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thanh

